

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình hành động của ngành tài nguyên và môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của ngành tài nguyên và môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KHTC(md).

h *h*



BỘ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng 01 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Chương trình hành động với những nội dung sau:

I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2021 diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của đất nước; là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội 10 năm 2021 - 2030 và các kế hoạch 5 năm 2021 - 2025 trong bối cảnh đất nước gặp những khó khăn, thách thức mới gay gắt hơn. Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, kinh tế, xã hội gặp nhiều khó khăn, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã lãnh đạo, chỉ đạo toàn ngành bám sát Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ và phương châm “Kỷ cương, liêm chính, hành động, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả” để tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021. Tiếp tục rà soát, đánh giá thực tiễn, xây dựng Chương trình hành động của ngành thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; trình ban hành chính sách, pháp luật tháo gỡ các vướng mắc, triển khai các giải pháp đột phá để phát huy nguồn lực tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu cho phát triển. Cải cách hành chính tiếp tục được thúc đẩy gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo điều hành, chuẩn hóa quy trình giải quyết công việc nhằm tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân.

Năm 2022 là năm tạo nền tảng của Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025, dự báo tình hình trong nước và quốc tế có nhiều thuận lợi, cơ hội và những khó khăn, thách thức. Dịch Covid-19 có nhiều diễn biến mới ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển KTXH, tăng trưởng kinh tế trên thế giới không đồng đều, chưa vững chắc. Trong nước, kinh nghiệm, năng lực, khả năng ứng phó dịch bệnh tiếp tục được nâng lên, nhưng sức chống chịu và nguồn lực của nhà nước, doanh nghiệp và người dân giảm sút. Nguy cơ chậm phục hồi kinh tế, suy giảm tăng trưởng vẫn còn tiềm ẩn nếu không kiểm soát được dịch bệnh một cách cơ bản để mở cửa trở lại của nền kinh tế; rủi ro lạm phát gia tăng; thiên tai, biến đổi khí hậu luôn là nguy cơ tiềm ẩn.

Trong bối cảnh đó, để phát huy hiệu quả quản lý, sử dụng các tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu cho phát triển đất nước, tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển đất nước trong 5 năm tới, nhiệm vụ chủ yếu của năm 2022 ngành tài nguyên và môi trường tập trung chủ yếu vào: (1) Hoàn thiện đồng bộ thể chế về quản lý tài nguyên, tập trung tháo gỡ khó khăn, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; (2) Thúc đẩy chuyển đổi số trên nền tảng tài nguyên số, dữ liệu lớn; (3) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đi đôi với tạo dựng môi trường đổi mới sáng tạo, nâng cao hiệu lực hiệu quả thực thi pháp luật, thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm minh các vi phạm, tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; (4) Quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả, giải phóng các nguồn lực tài nguyên cho phát triển đất nước, từng địa phương, công khai, minh bạch, bình đẳng giữa các chủ thể trong tiếp cận tài nguyên; (5) Triển khai hiệu quả Luật Bảo vệ môi trường, đảo ngược xu thế suy thoái về môi trường, các hệ sinh thái; phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong thập kỷ mới; (6) Nâng cao hiệu quả công tác dự báo, triển khai các giải pháp đột phá chủ động tận dụng các cơ hội hỗ trợ về tài chính, công nghệ và thu hút các dòng vốn đầu tư vào hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi mô hình phát triển và chuyển đổi năng lượng.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM 2022

Bộ Tài nguyên và Môi trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nâng cao tinh thần trách nhiệm, tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Mục tiêu chung

Phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đặt ra:

(1) Trình Quốc hội dự án Luật đất đai (sửa đổi), trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trình Chính phủ dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); tổng kết đánh giá lập đề nghị sửa đổi Luật khoáng sản; ban hành các văn bản dưới Luật giải quyết các vướng mắc đặt ra từ thực tiễn.

(2) Hoàn thành việc lập và phê duyệt các quy hoạch quốc gia, các quy hoạch ngành; kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030.

(3) Đơn giản hóa 10-15% thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ thủ tục trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm; thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 với các thủ tục đủ điều kiện trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 90%-100% dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ và được tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 63/63 tỉnh thành phố kết nối liên thông thủ tục thanh toán nghĩa vụ tài chính với cơ quan thuế, tổ chức tín dụng.

(4) Đưa vào vận hành hệ thống thông tin tài nguyên và môi trường trọng tâm là cơ sở dữ liệu đất đai thống nhất, tập trung, kết nối liên thông giữa các ngành, công thông tin địa lý quốc gia, dữ liệu quan trắc, điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường.

(5) Tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác quản lý tài nguyên và môi trường; thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm minh các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tham nhũng, nhũng nhiễu trong quản lý tài nguyên và môi trường; giải quyết căn bản tình trạng lãng phí đất đai, tài nguyên; chỉ số hài lòng của người dân doanh nghiệp đối với thủ tục đất đai và môi trường tăng 5-6%, tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh sự phiền hà trong thực hiện thủ tục hành chính giảm 7-10%.

(6) Nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai, nguồn thu từ đất đai chiếm 12% - 15% thu ngân sách nội địa; chỉ số “đăng ký đất đai” và “Chất lượng quản lý hành chính đất đai (B3)” tăng 1 bậc.

(7) Cải thiện các chỉ số thành phần môi trường; 91% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 90% chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 30% rác thải sinh hoạt được xử lý theo mô hình đốt rác, phát điện, tái chế thay cho chôn lấp. Nâng hạng chỉ số Chất lượng môi trường (C4) lên 10 bậc.

(8) 80% hồ chứa thủy điện lớn đang vận hành được kiểm soát, giám sát trực tuyến; 100% các giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước được cập nhật, quản lý, theo dõi thống nhất từ trung ương đến địa phương vào hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ TN&MT (khoảng gần 30.000 giấy phép); khoảng 600 hồ chứa thủy điện, thủy lợi được xác định và công bố dòng chảy tối thiểu sau đập;

(9) 50% số trạm quan trắc khí tượng thủy văn được tự động hóa để từng bước hình thành mạng lưới quan trắc KTTV hiện đại và tự động hoàn toàn, kết nối, chia sẻ số liệu với các nước trong khu vực, trên thế giới; 100% thiên tai bão, lũ, được giám sát, dự báo, cảnh báo kịp thời, đủ độ tin cậy; hình thành mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn kết nối trong lưu vực sông Mê Công; tăng

cường năng lực giám sát môi trường, khí tượng thủy văn.

(10) 40% diện tích vùng biển được điều tra cơ bản ở tỷ lệ bản đồ 1:500.000 tài nguyên, môi trường biển; 70% diện tích đất liền được lập bản đồ địa chất khoáng sản ở tỷ lệ 1:50.000; trên 50% tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành điều tra tài nguyên đất.

(11) Hoàn thành xây dựng các tiêu chí phát triển bền vững về môi trường, biến đổi khí hậu, đại dương làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện.

2. Nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với BĐKH

Xây dựng, trình Quốc hội dự án Luật Đất đai (sửa đổi) tạo lập hành lang pháp lý đầy đủ đồng bộ, thống nhất để quản lý, sử dụng có hiệu quả, phát huy nguồn lực đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh vận hành các quan hệ đất đai theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai, chuyển sang nền hành chính phục vụ, hiện đại lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm. Thúc đẩy các giao dịch về quyền sử dụng đất, phát triển thị trường bất động sản công khai, lành mạnh. Giải quyết hiệu quả tình trạng lãng phí, thất thoát, khiếu kiện trong lĩnh vực đất đai; đảm bảo ngày càng tốt hơn quyền lợi của người sử dụng đất, nhất là đối với người được Nhà nước giao đất nông nghiệp, đối tượng dễ tổn thương; đời sống, việc làm cho người có đất thu hồi.

Trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tổng kết đánh giá và lập hồ sơ đề nghị xây dựng Dự án Luật Địa chất và Tài nguyên khoáng sản.

Trình Chính phủ Dự án Tổng kết thi hành Luật quản lý tài nguyên nước và Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) để trình Quốc hội xem xét, đưa Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023. Tạo lập hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, trong quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên nước, bảo an ninh tài nguyên nước quốc gia; hướng tới quản trị tài nguyên nước hiện đại, hiệu quả.

Ban hành các văn bản dưới Luật giải quyết ngay các vướng mắc đặt ra từ thực tiễn qua rà soát, đánh giá của các địa phương. Ban hành hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn tiệm cận các nước tiên tiến trong khu vực. Cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tiếp tục phân cấp thẩm quyền đi đôi với kiểm tra giám sát, kiểm soát việc thực thi. Thực hiện thí điểm một số chủ trương chính

sách, pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Thực hiện phân cấp thẩm quyền, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục kiểm tra chuyên ngành ngay trong xây dựng, trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tạo lập hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, minh bạch, thực thi phương án đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh sau khi được Thủ tướng phê duyệt. Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhất là trong lĩnh vực đất đai, môi trường cho người dân, doanh nghiệp.

Tập trung xây dựng hoàn thành các quy hoạch quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia đồng bộ, phân bổ hợp lý, phát huy các nguồn lực tài nguyên trong tầm nhìn dài hạn, đảm bảo không gian sinh tồn, sinh thái và không gian phát triển, tăng đóng góp cho tăng trưởng kinh tế; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

2.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi, thượng tôn pháp luật; tập trung thanh tra, kiểm tra xử lý nghiêm minh các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí, các hành vi nhũng nhiễu trong thực thi công vụ

Tăng cường cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong thực thi, hoàn thiện chính sách, pháp luật. Thiết lập hệ thống theo dõi đánh giá việc quản lý sử dụng tài nguyên; thực hiện đánh giá xếp hạng chỉ số bảo vệ môi trường cấp tỉnh.

Chuyên hoạt động thanh tra, kiểm tra từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Tập trung thanh tra xử lý nghiêm minh các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, tham nhũng, lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ để giải quyết tình trạng nhũng nhiễu, hành dân gây bức xúc trong dư luận; dự án được giao đất nhưng chậm đưa vào sử dụng, đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường; tổ chức được giao đất, cho thuê đất có nguồn gốc đất công; việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng; việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; hoạt động đấu giá khoáng sản, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; việc quản lý, sử dụng các mỏ khoáng sản đã hết hạn khai thác theo giấy phép; việc xả nước thải vào nguồn nước.

Thiết lập các kênh thông tin (đường dây nóng, thư điện tử, hệ thống hỏi đáp,...) theo dõi, đánh giá, phản hồi về công tác quản lý tài nguyên và môi trường ở từng địa phương và chất lượng dịch vụ công của ngành. Phối hợp tốt với các bộ, ngành và địa phương trong việc xây dựng, triển khai kế hoạch thanh tra hàng năm, thiết lập cơ chế trao đổi thông tin để khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp giữa Bộ ngành và địa phương trong lĩnh vực tài nguyên môi trường.

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở từng cấp; tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc Thủ tướng Chính phủ giao và các vụ việc thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ; chủ động phối hợp với Thanh tra

Chính phủ, các Bộ ngành khác và các địa phương trong giải quyết các vụ việc khiếu kiện tồn đọng, kéo dài.

2.3. Xây dựng tài nguyên số, hạ tầng số, thực hiện chuyển đổi, phát triển kinh tế số ngành tài nguyên và môi trường

Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện và đưa vào vận hành các nền tảng dùng chung của Bộ hạ tầng cho ứng dụng công nghệ thông tin và chỉ đạo điều hành về tài nguyên và môi trường. 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); các báo cáo, chỉ tiêu thống kê của ngành được thực hiện kết nối, cập nhật theo thời gian thực từ địa phương đến Trung ương tích hợp, liên thông phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương.

Tập trung xây dựng tài nguyên số với các nền tảng dữ liệu lớn của ngành trong đó tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường, dữ liệu siêu viễn thám và điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường.

Xây dựng, mở rộng cung cấp dịch vụ định vị chính xác phát triển hạ tầng dữ liệu không gian quốc gia (NSDI) thu nhận, quản lý, phân tích, xử lý, cung cấp các thông tin, số liệu quan trắc, điều tra, đo đạc theo thời gian thực để triển khai các ứng dụng thông minh, tự động hóa, từng bước chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường.

2.4. Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đổi mới nghiên cứu khoa học, hợp tác, hội nhập quốc tế

Hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị trực thuộc Bộ; thực hiện phân cấp thẩm quyền hợp lý gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Trung ương. Chuyển đổi mạnh mẽ mô hình quản lý theo hướng phục vụ người dân, doanh nghiệp, kiến tạo cho phát triển. Đào tạo, cập nhật thường xuyên kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ chuyên gia, cán bộ khoa học đầu ngành, chú trọng tăng cường năng lực quản lý cho cán bộ các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức của ngành; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kỷ cương, kỷ luật hành chính. Thực hiện cơ chế đấu thầu đặt hàng trong nghiên cứu khoa học, đảm bảo hiệu quả thực tiễn, nâng cao tính ứng dụng của sản phẩm khoa học, công nghệ.

Xây dựng chiến lược hợp tác tổng thể với các đối tác song phương và đa phương về vực tài nguyên và môi trường. Tăng cường hợp tác tiếp cận các công nghệ tiên tiến trong quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên và xử lý môi trường, đào tạo nguồn nhân lực, giải quyết các vấn đề mang tính chất đa ngành/lĩnh vực và liên vùng, xuyên biên giới như: thích ứng biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, chống xói lở bờ sông, bờ biển, giám sát xâm nhập mặn, kiểm kê trữ lượng các bon mặt đất, tính toán phát thải khí nhà kính.

3. Nhiệm vụ từng lĩnh vực quản lý chuyên ngành

3.1. Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phát huy tối đa nguồn lực đất đai trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển cơ sở hạ tầng

Triển khai hiệu quả Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025. Tập trung rà soát tình trạng lãng phí đất đai, đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh; các dự án vi phạm pháp luật đất đai; các dự án không sử dụng đất hoặc chậm tiến độ đưa đất vào sử dụng, để hoang hóa gây lãng phí đất đai; các dự án có vướng mắc sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán,... trên phạm vi cả nước lập các tổ công tác liên ngành của Trung ương và địa phương xử lý, giải quyết đưa quỹ đất vào sử dụng hiệu quả, giải phóng nguồn lực cho phát triển kinh tế, góp phần ổn định chính trị, xã hội.

Nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai, chỉ số “đăng ký đất đai” và “chất lượng quản lý hành chính đất đai”. Đưa vào vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia tập trung, thống nhất, đa mục tiêu; tập trung nguồn lực đầu tư, thống nhất chỉ đạo để trong 3 năm tới hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, một trong 6 cơ sở dữ liệu quốc gia trong phát triển chính phủ điện tử. Kết nối liên thông thực hiện thủ tục hành chính về đất đai với cơ quan thuế, tổ chức tín dụng. Tăng cường kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng đất đai tại một số địa phương; chủ động, kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc nhất là trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư, báo cáo, kịp thời đề xuất giải quyết đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

3.2. Nâng cao vai trò quản lý, giải quyết hài hòa các mục tiêu khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên nước và bảo đảm an ninh nguồn nước

Triển khai thực hiện quy hoạch tài nguyên nước quốc gia và các lưu vực sông Bằng Giang-Kỳ Cùng; sông Sê San và sông SrePôk, Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng-Thái Bình và Đồng bằng sông Cửu Long.

Thực hiện kiểm kê tài nguyên nước quốc gia, giai đoạn đến năm 2025. Hoàn thành và vận hành hệ thống theo dõi, giám sát việc khai thác sử dụng và xả nước thải vào nguồn nước trên phạm vi toàn quốc. Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tổng thể về an ninh tài nguyên nước, đề xuất các giải pháp trữ nước thông qua các giải pháp phi công trình. Tập trung triển khai, thực hiện việc cấp phép và cấp quyền khai thác tài nguyên nước cho các tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất, trong đó trọng tâm là các công trình thủy lợi lớn, đa mục tiêu. Tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế điều phối, giám sát liên ngành trong quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ nguồn nước lưu vực sông. Quan trắc, theo dõi, chia sẻ thông tin về các hoạt động khai thác, sử dụng nước ở ngoài biên giới phía thượng nguồn lưu vực sông Hồng, sông Mê Công. Đề xuất và triển khai các chủ trương, đối sách trong chia

sẽ tài nguyên nước xuyên biên giới.

3.3. Quản lý chặt chẽ, hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản; tăng cường điều tra địa chất phục vụ quy hoạch kinh tế - xã hội, phát triển không gian ngầm, giảm nhẹ tác động tai biến địa chất trong điều kiện biến đổi khí hậu

Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và triển khai: (1) Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (2) Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trình đề nghị dự án Luật Khoáng sản (sửa đổi, bổ sung). Hoàn thành công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung việc khoanh định và trình Thủ tướng phê duyệt các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo quy định của Nghị định số 51/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

Nghiên cứu, điều tra môi trường địa chất và tai biến địa chất để trên cơ sở đó dự báo các nguy cơ tai biến địa chất như sụt lún, động đất đánh giá tiềm năng tài nguyên từng loại, nhóm khoáng sản quan trọng, di sản địa chất, công viên địa chất. Dự báo nhu cầu, tập trung điều tra, đánh giá tiềm năng các loại khoáng sản chiến lược nhanh chóng đưa kết quả điều tra khoáng sản, phát hiện các mỏ mới vào đầu giá.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản nhất là đối với công tác thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản, xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế; thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường; kiên quyết xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản và môi trường.

3.4. Triển khai Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển, điện gió ngoài khơi, khai hoang, quản lý tốt hoạt động lấn biển

Tập trung hoàn thành Quy hoạch không gian biển quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ giai đoạn 2021 -2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp và thống nhất về biển.

Triển khai Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển, hành lang kinh tế ven biển, điện gió ngoài khơi, khai hoang, lấn biển phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, kiểm soát khai thác tài nguyên biển, phục hồi hệ sinh thái biển, gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo.

Tăng cường bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững các hệ sinh thái, đa dạng sinh học biển; nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên biển. Mở rộng diện tích, thành lập mới các khu vực bảo tồn biển. Thiết lập bộ cơ sở dữ liệu số về biển, đảo, bảo đảm tính tích hợp, chia sẻ và cập nhật. Đẩy mạnh công

tác thanh tra, kiểm tra đối với các dự án giao khu vực biển để nhận chìm và thực hiện các dự án điện gió.

3.5. Tập trung triển khai Luật Bảo vệ môi trường, ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái, cải thiện chất môi trường, đảo ngược xu thế suy giảm của hệ sinh thái; thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong thập kỷ phát triển bền vững

Tập trung triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 tiếp cận theo hướng toàn dân. Quy định chi tiết danh mục dự án xanh, tiêu chí, điều kiện xác định dự án xanh và việc xác nhận dự án xanh; hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn. Thực hiện phân vùng môi trường, nâng cao hiệu quả đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, quản lý dựa trên giấy phép môi trường. Khuyến khích, thúc đẩy phát triển các dự án xanh, công nghệ hiện đại thân thiện với môi trường, các ngành kinh tế sử dụng dịch vụ sinh thái; đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất theo mô hình tuần hoàn, ít phát thải.

Thực hiện sàng lọc loại trừ các dự án công nghệ lạc hậu, sử dụng nhiều tài nguyên, tiêu hao năng lượng, có nguy cơ ô nhiễm từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư; chủ động kiểm soát kiểm soát các nguồn thải, quản lý, bảo vệ môi trường chặn đứng xu thế suy thoái. Kiểm soát các chặt chẽ các nguồn thải; tập trung quản lý môi trường các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, phục hồi các khu vực bị ô nhiễm hóa chất tồn lưu, thuốc bảo vệ thực vật, các bãi chôn lấp chất thải rắn đã đóng cửa, các khu vực bị ô nhiễm dioxin do chiến tranh; áp dụng chế tài xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, kế hoạch từng bước phục hồi môi trường, các hệ sinh thái. Đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt kết hợp với cải tạo, phục hồi các hồ ao, kênh mương ở các đô thị lớn; kiểm kê, kiểm soát, di dời các nguồn ô nhiễm, nâng cao quy chuẩn khí thải từ phương tiện giao thông; đảm bảo quy chuẩn quy hoạch cây xanh, không gian công cộng trong các đô thị, khu dân cư, nhất là các thành phố lớn.

Thúc đẩy phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường, đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư xử lý, tái chế chất thải với mô hình công nghệ phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường thay cho lấp trực tiếp. Xác lập, công nhận, quản lý và bảo vệ môi trường đối với các di sản thiên nhiên; thực hiện chương trình, kế hoạch phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái; bảo tồn loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm.

3.6. Hiện đại hóa công tác dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn phục vụ phát triển KT-XH, phòng chống thiên tai; triển khai các giải pháp đột phá triển khai thỏa thuận tại COP26

Triển khai đưa Chỉ thị 10 - CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn (KTTV) đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược phát triển ngành KTTV đến năm 2030 đi vào cuộc sống; khẩn trương chuyển đổi số toàn diện lĩnh vực KTTV, rà soát mạng

lưới quan trắc, hệ thống thông tin, dữ liệu để bảo đảm hoạt động thông suốt của toàn Hệ thống dự báo, cảnh báo KTTV quốc gia, sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ cho mùa mưa bão năm 2022; cơ bản hoàn thành Quy hoạch mạng lưới trạm KTTV quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đáp ứng yêu cầu chủ động các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, giảm nhẹ hậu quả thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Xây dựng và triển khai Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp đột phá triển khai thỏa thuận tại COP26 về biến đổi khí hậu, trong đó:

Hoàn thiện Chiến lược quốc gia về Biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050, với mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050; xây dựng Kế hoạch hành động giảm phát thải khí methane đến năm 2030;

Xây dựng đồng bộ các cơ chế, chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch, thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính để tạo môi trường thuận lợi, chủ động tận dụng các cơ hội hỗ trợ về tài chính, công nghệ và thu hút các dòng vốn đầu tư vào hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi mô hình phát triển và chuyển đổi năng lượng.

Triển khai thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ ưu tiên ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải, chuyển đổi năng lượng nhằm thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26; điều tra khảo sát quy hoạch phát triển điện gió ngoài khơi gắn với Quy hoạch không gian biển quốc gia; áp dụng các công cụ định giá cacbon, bao gồm thuế cacbon và phát triển thị trường cacbon trong nước.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP về phát triển đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; nghiên cứu, đề xuất các mô hình phát triển bền vững phù hợp cho các vùng địa lý khác cũng chịu nhiều tác động do thiên tai, biến đổi khí hậu như vùng núi phía bắc, duyên hải miền Trung.

3.7. Hiện đại hóa hạ tầng không gian địa lý; ứng dụng công nghệ viễn thám trong giám sát tài nguyên và môi trường

Hoàn thiện hiện đại hóa hệ thống độ cao quốc gia, trình phê duyệt phương án xác định ranh giới hành chính trên biển của các địa phương, hoàn thành Dự án “Hiện đại hóa hệ thống độ cao Vương quốc Campuchia” giai đoạn II vào quý II năm 2022. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai Đề án “Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia” để cung cấp dịch vụ dữ liệu không gian địa lý cho các bộ, ngành, lĩnh vực đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phục vụ chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh. Tổ chức bàn giao dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1.25.000 cho địa phương để khai thác, sử dụng.

Triển khai ứng dụng công nghệ viễn thám trong công tác điều tra cơ bản về tài nguyên, phát triển nông nghiệp, quản lý, giám sát nguồn nước xuyên biên giới, giám sát về môi trường biến động diện tích đất rừng, biển, hải đảo, các khu

vực có nguy cơ sạt lở, giám sát khai thác mỏ trái phép...Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ: giám sát biển, đảo, diễn biến vùng ô nhiễm, vùng nước thải từ các khu công nghiệp, đô thị nhằm đưa ra cảnh báo các vùng có nguy cơ ô nhiễm vùng kinh tế trọng điểm ven biển; Giám sát xói lở bờ biển tại một số khu vực trọng điểm miền Trung bằng công nghệ viễn thám. Cung cấp dữ liệu viễn thám quang học có độ phân giải cao (VNREDSat-1. SPOT6/7) phủ trùm lãnh thổ Việt Nam đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ viễn thám phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh cho các Bộ ngành và địa phương.

4. Danh mục các nhiệm vụ chủ yếu triển khai năm 2022

Danh mục các nhiệm vụ chủ yếu thực hiện Chương trình hành động, gồm:

- Phụ lục 01: Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật ngành tài nguyên và môi trường xây dựng năm 2022.

- Phụ lục 02: Danh mục các nhiệm vụ chủ yếu thực hiện Nghị quyết số 01/NQ/CP năm 2022.

- Phụ lục 03: Danh mục các nhiệm vụ chủ yếu thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2022.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Lãnh đạo Bộ theo lĩnh vực công tác, địa bàn được phân công chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng Chương trình công tác năm 2022 của đơn vị nhằm cụ thể hoá, cập nhật thường xuyên các nhiệm vụ phát sinh và có kế hoạch triển khai hiệu quả từng nhiệm vụ trong Chương trình hành động này, trong đó phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cán bộ đầu mối, ban hành trước ngày 25 tháng 01 năm 2022 và gửi về Bộ qua Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính để theo dõi đôn đốc.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng về chất lượng và tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình này; chủ động xử lý, phối hợp xử lý theo thẩm quyền, hoặc đề xuất với Bộ xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

c) Báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động hàng quý trước ngày 15 của tháng cuối quý gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính để phục vụ Bộ trưởng tham dự các phiên họp Chính phủ.

3. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Trên cơ sở kế hoạch, chương trình hành động của địa phương và Chương trình hành động này, xây dựng Chương trình công tác năm 2022 của

ngành tài nguyên và môi trường tại địa phương; lựa chọn một số nội dung, chủ đề, mô hình để đề xuất với Ủy ban các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí ngân sách địa phương thực hiện và báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Tăng cường công tác truyền thông, trao đổi, học tập kinh nghiệm của các địa phương để phát huy, nhân rộng các mô hình tốt về quản lý tài nguyên và môi trường; chủ động tham mưu với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về các giải pháp đột phá trong công tác nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động hàng quý trước ngày 15 của tháng cuối quý, trong đó lưu ý kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ và các mô hình điểm gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch-Tài chính để tổng hợp.

d) Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao đề xuất các giải pháp chỉ đạo điều hành của Chính phủ và của Bộ gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính trước ngày 15 tháng 11 năm 2022 để tổng hợp.

4. Vụ Thi đua và Khen thưởng và tuyên truyền phối hợp Trung tâm Truyền thông tài nguyên và môi trường, Báo Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan tổ chức phổ biến, tuyên truyền về nội dung và kết quả thực hiện Chương trình hành động này.

5. Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ định kỳ 6 tháng/lần tổ chức Hội nghị của Bộ trưởng với Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường theo từng nội dung chuyên đề; tiếp tục hoàn thiện phần mềm tra cứu nhanh văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường đáp ứng nhu cầu tra cứu của các đơn vị trực thuộc Bộ, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, doanh nghiệp và người dân.

6. Giao Tổ Công tác được thành lập theo Quyết định số 2016/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 9 năm 2016 có trách nhiệm giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình hành động này.

7. Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp định kỳ kết quả thực hiện Chương trình này, báo cáo Bộ trưởng và các cơ quan chức năng theo quy định./.

Phụ lục số 01

CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRÌNH CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM 2022

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì soạn thảo	Đơn vị cho ý kiến	Thời gian Trình Chính phủ
1	Luật Đất đai (sửa đổi)	Tổng cục Quản lý đất đai	Vụ Pháp chế	03/2022
2	Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)	Cục Quản lý tài nguyên nước	Vụ Pháp chế	11/2022
3	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước	Cục Quản lý tài nguyên nước	Vụ Pháp chế	11/2022
4	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Vụ Pháp chế	9/2022

2. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA BỘ NĂM 2022

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì soạn thảo	Đơn vị thẩm định	Tiến độ, thời gian		
				Đăng tải lấy ý kiến	Gửi thẩm định	Trình Bộ trưởng
I	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI					
1	Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật quan trắc tài nguyên đất	Tổng cục Quản lý đất đai	- Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Pháp chế.	Trước 3/2022	Trước 20/5/2022	Trước 20/6/2022
II	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG					
2	Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động quan trắc các thông số dioxin/furan trong nước thải, khí thải	Tổng cục Môi trường	- Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Pháp chế.	Trước 8/2022	Trước 20/10/2022	Trước 20/11/2022
3	Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường	Tổng cục Môi trường	- Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Pháp chế.	Trước 8/2022	Trước 20/10/2022	Trước 20/11/2022
III	LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN					
4	Thông tư thay thế Thông tư số 05/2016/TT-BTNMT ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung quan trắc khí tượng thủy văn đối với trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Vụ Pháp chế	Trước 8/2022	Trước 20/10/2022	Trước 20/11/2022
5	Thông tư thay thế Thông tư số 44/2017/TT-BTNMT ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về quan trắc ra đa thời tiết và ô-dôn - bức xạ cực tím	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Vụ Pháp chế	Trước 6/2022	Trước 20/8/2022	Trước 20/9/2022
6	Thông tư thay thế Thông tư số 06/2016/TT-	Tổng cục Khí	Vụ Pháp chế	Trước	Trước	Trước

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì soạn thảo	Đơn vị thẩm định	Tiến độ, thời gian		
				Đăng tải lấy ý kiến	Gửi thẩm định	Trình Bộ trưởng
	BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	tượng thủy văn		3/2022	20/5/2022	20/6/2022
7	Thông tư thay thế Thông tư số 36/2016/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động của mạng lưới trạm khí tượng thủy văn	Tổng cục Khí tượng thủy văn	- Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Pháp chế.	Trước 8/2022	Trước 20/10/2022	Trước 20/11/2022
IV	LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO					
8	Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về đánh giá chất nạo vét để nhận chìm ở biển và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	Trước 8/2022	Trước 20/10/2022	Trước 20/11/2022
V	LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN					
9	Thông tư thay thế Thông tư số 51/2015/TTBTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn nội dung thanh tra chuyên ngành khoáng sản	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Vụ Pháp chế	Trước 8/2022	Trước 20/10/2022	Trước 20/11/2022
VI	LĨNH VỰC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU					
10	Thông tư quy định kỹ thuật đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực quản lý chất thải	Cục Biến đổi khí hậu	- Vụ Khoa học và công nghệ; - Vụ Pháp chế	Trước 7/2022	Trước 20/9/2022	Trước 20/10/2022

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì soạn thảo	Đơn vị thẩm định	Tiến độ, thời gian		
				Đăng tải lấy ý kiến	Gửi thẩm định	Trình Bộ trưởng
VII	LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ					
11	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000, 1:100.000	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	Trước 5/2022	Trước 20/7/2022	Trước 20/8/2022
12	Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000, 1:100.000	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	- Vụ Khoa học và Công nghệ; - Vụ Pháp chế.	Trước 3/2022	Trước 20/5/2022	Trước 20/6/2022
13	Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về thu nhận và xử lý dữ liệu ảnh số bằng tàu bay không người lái phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000 và bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1:1.000	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	- Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Pháp chế.	Trước 8/2022	Trước 20/10/2022	Trước 20/11/2022
14	Thông tư ban hành danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ thành phố Hà Nội	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Vụ Pháp chế	Trước 6/2022	Trước 20/8/2022	Trước 20/9/2022
VIII	LĨNH VỰC VIỄN THÁM					
15	Thông tư ban hành định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia	Cục Viễn thám quốc gia	- Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Pháp chế.	Trước 3/2022	Trước 20/5/2022	Trước 20/6/2022
16	Thông tư ban hành định mức kinh tế kỹ thuật thành lập bản đồ nhiệt độ bề mặt nước biển và bản đồ hàm lượng diệp lục bề mặt nước biển tỷ lệ 1: 500.000, 1: 1.000.000 bằng dữ liệu viễn thám quang học độ phân giải thấp	Cục Viễn thám quốc gia	- Vụ Kế hoạch - Tài chính; - Vụ Pháp chế.	Trước 7/2022	Trước 20/9/2022	Trước 20/10/2022

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì soạn thảo	Đơn vị thẩm định	Tiến độ, thời gian		
				Đăng tải lấy ý kiến	Gửi thẩm định	Trình Bộ trưởng
IX	LĨNH VỰC KHÁC					
17	Thông tư quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Vụ Pháp chế	Hội đồng tư vấn thẩm định	Trước 7/2022	Trước 20/9/2022	Trước 20/10/2022
18	Thông tư quy định Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành tài nguyên và môi trường	Vụ Tổ chức cán bộ	Vụ Pháp chế	Trước 4/2022	Trước 20/6/2022	Trước 20/7/2022
19	Thông tư quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức; danh mục và thời hạn người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi giữ chức vụ trong các đơn vị thuộc ngành tài nguyên và môi trường	Vụ Tổ chức cán bộ	Vụ Pháp chế	Trước 6/2022	Trước 20/8/2022	Trước 20/9/2022
20	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 26/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Vụ Khoa học và Công nghệ	Vụ Pháp chế	Trước 5/2022	Trước 20/7/2022	Trước 20/8/2022

Phụ lục số 02**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU THỰC HIỆN NĂM 2022***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

STT	Tên đề án	Cấp trình		Thời gian trình	Đơn vị thực hiện		Ghi chú
		Chính phủ	TTgCP		Chủ trì	Phối hợp	
I. Lĩnh vực Đất đai							
1	Dự án tổng kết thi hành Luật Đất đai và xây dựng dự án Luật Đất đai (sửa đổi)	x		3/2022	Tổng cục Quản lý Đất đai	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	
2	Chiến lược sử dụng đất quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	x		Năm 2022			
3	Đề án tháo gỡ khó khăn vướng mắc, giải phóng nguồn lực đất đai cho phát triển kinh tế, xã hội phục hồi sau đại dịch Covid-19		x	4/2022	Tổng cục Quản lý đất đai		
II. Lĩnh vực quản lý tài nguyên nước							
3	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 201/2013/NĐCP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước	x		10/2022	Cục Quản lý Tài nguyên nước	Đơn vị liên quan	
4	Dự án tổng kết thi hành Luật Tài nguyên nước và xây dựng dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)		x	12/2022	Cục Quản lý Tài nguyên nước	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	
5	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	11/2022	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	Cục Quản lý Tài nguyên nước và các đơn vị liên quan	
6	Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng - Thái		x	12/2022	Trung tâm Quy	Cục Quản lý Tài	

STT	Tên đề án	Cấp trình		Thời gian trình	Đơn vị thực hiện		Ghi chú
		Chính phủ	TTgCP		Chủ trì	Phối hợp	
	Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050				hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	nguyên nước và các đơn vị liên quan	
III. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản							
7	Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Khoáng sản (sửa đổi)		x	7/2022	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	
8	Lập Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	7/2022	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	Đơn vị liên quan	
II. Lĩnh vực môi trường							
9	Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	10/2022	Tổng cục Môi trường	Đơn vị liên quan	
10	Quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	12/2022	Tổng cục Môi trường	Đơn vị liên quan	
11	Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050		x	11/2022	Tổng cục Môi trường	Đơn vị liên quan	
12	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết danh mục dự án xanh, tiêu chí, điều kiện xác định dự án xanh và việc xác nhận dự án xanh		x	12/2022	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	Đơn vị liên quan	
IV. Lĩnh vực biển và hải đảo							

STT	Tên đề án	Cấp trình		Thời gian trình	Đơn vị thực hiện		Ghi chú
		Chính phủ	TTgCP		Chủ trì	Phối hợp	
13	Quy hoạch không gian biển quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045		x	Quý I/2022	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	
14	Chương trình thương hiệu Biển Việt Nam đến năm 2025	x		2022	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	
15	Quy hoạch tổng thể khai thác sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ giai đoạn 2021 -2030 và tầm nhìn đến năm 2045		x	7/2022	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Đơn vị liên quan	
16	Nghị quyết của Quốc hội về tăng cường nguồn lực đầu tư cho công tác điều tra cơ bản và quản lý tổng hợp và thống nhất về biển, hải đảo phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển	x		12/2022	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	
17	Đề án xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển quốc gia đến năm 2030		x	12/2022	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam	Đơn vị liên quan	
V. Lĩnh vực Khí tượng thủy văn							
18	Nhiệm vụ Lập Quy hoạch mạng lưới trạm Khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.		x	11/2022	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Đơn vị liên quan	
19	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 25/9/2021 của Ban Bí thư Trung		x	3/2022	Tổng cục Khí tượng thủy văn	Các Bộ, ngành, địa phương liên quan	

STT	Tên đề án	Cấp trình		Thời gian trình	Đơn vị thực hiện		Ghi chú
		Chính phủ	TTgCP		Chủ trì	Phối hợp	
	ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc						
VII. Lĩnh vực Biến đổi khí hậu							
20	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050.		x	6/2022	Cục Biến đổi khí hậu	Đơn vị liên quan	
21	Kế hoạch hành động quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2030		x	10/2022	Cục Biến đổi khí hậu	Đơn vị liên quan	
22	Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030		x	12/2022	Cục Biến đổi khí hậu	Đơn vị liên quan	
23	Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp đột phá triển khai thỏa thuận tại COP26 về biến đổi khí hậu		x	4/2022	Cục Biến đổi khí hậu	Đơn vị liên quan	